TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-6-2023
"Về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Sơn Thị Sô Tha.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Bà Phước Thị Kim Huê
2. Ông Kim Diễn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Kim Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 102/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc "*Ly hôn và tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng Th, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thắm là Luật sư Thạch Văn Tuyền, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1980, có mặt.
Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Th trình bày: Năm 2010 do có quen biết trước và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên bà và ông T có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh ngày 12/6/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống chung hạnh phúc được 18 năm thì đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cải nhau do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, nguyên nhân do ông T thường xuyên đánh bạc, tham gia các tệ nạn xã hội. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Tên Trần Văn Th, sinh ngày 23/8/2006 và Trần Văn M, sinh ngày 20/01/2012, bà Th thống nhất giao cho ông T trực tiếp nuôi và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Gồm có 01 chiếc ghe bằng gỗ, trọng tải 45 tấn giá trị khoảng 140.000.000 đồng, hai bên tự thỏa thuận và không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 04/5/2023 ông Trần Thanh T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Hồng Th về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Tuy nhiên, về mâu thuẫn gia đình là có nhưng không đến mức phải ly hôn, ông thừa nhận có tham gia các tệ nạn xã hội nhưng hiện nay ông không còn tham gia, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cho đến khi khôn lớn.

Về con chung: Tên Trần Văn Th, sinh ngày 23/8/2006 và Trần Văn M, sinh ngày 20/01/2012, nếu có ly hôn thì ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Gồm có 01 chiếc ghe bằng gỗ, trọng tải 45 tấn giá trị khoảng 140.000.000 đồng, do bà Thắm không yêu cầu nên ông không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Cháu Trần Văn Th và Trần Văn M có ý kiến nếu cha mẹ ly hôn với nhau, hai cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với cha tên Trần Thanh T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Nguyễn Hồng Ththống nhất lời trình bày của bà Nguyễn Hồng Th. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Th.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan trong quá trình thụ lý và chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định tại các Điều 70 Điều 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Th được ly hôn với ông Trần Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn Th và Trần Văn M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Th và cháu M), ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không giải quyết

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Do ông Trần Thanh T cư trú tại ấp X, xã Đ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Bà Nguyễn Hồng Th có đơn đề nghị vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng Th và ông Trần Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn ngày 12/6/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, căn cứ theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Th trình bày vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 18 năm. Thời gian sau này (đầu năm 2023) cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do ông T không quan tâm vợ con, thường xuyên đánh đập bà, cờ bạc và tham gia các tệ nạn xã hội mặc dù được khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi nên bà Th quyết định ly hôn với ông T.Trước yêu cầu ly hôn của bà Th thì ông T không đồng ý vì cho rằng còn tình cảm với bà Th và vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, bản thân ông còn thương vợ, con rất nhiều. Tòa án đã giành nhiều thời gian để ông T thuyết phục bà Th về chung sống đồng thời tiến hành hòa giải cho vợ chồng ông, bà đoàn tụ, ông T đã hứa sẽ tu chí làm ăn, không chơi bời và mong bà Th tha thứ nhưng bà Th không còn tin tưởng ông T, do ông T đã nhiều lần hứa nhưng không thực hiện được, ông T cũng không có giải pháp hợp lý nhằm khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Bà Th không đồng ý về chung sống cùng ông T và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn ông T. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà Th và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th với ông T là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Th và ông T có 02 con chung là Trần Văn Th, sinh ngày 23/8/2006 và Trần Văn M, sinh ngày 20/01/2012 bà Th thống nhất giao cho ông T trực tiếp nuôi. Ông T có nguyện vọng nuôi cả hai con và không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét thấy ông T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con là có cơ

sở. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của ông T giao con chung tên Trần Văn Th, sinh ngày 23/8/2006 và Trần Văn M, sinh ngày 20/01/2012 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (cháu Th và cháu M đều có nguyện vọng được sống với cha).

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Hồng Th và ông Trần Thanh T xác định tự thỏa thuận và không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Hồng Th và ông Trần Thanh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Hồng Th phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trong việc giải quyết vụ án là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Hồng Th, cho bà Nguyễn Hồng Th được ly hôn với ông Trần Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Văn Th, sinh ngày 23/8/2006 và Trần Văn M, sinh ngày 20/01/2012 cho ông Tuấn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (cháu Th và cháu M đều có nguyện vọng được sống với cha). Bà Nguyễn Hồng Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét, giải quyết

4.Về nợ chung: Khai không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Hồng Th phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015254 ngày 12 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự,
- VKSND huyện Trà Cú,
- TAND tỉnh Trà Vinh,
- CCTHADS huyện Trà Cú,
- UBND xã Đ
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Sơn Thị Sô Tha